VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VN
BẢO TÀNG THIÊN NHIÊN VIỆT NAM
Số: 06 /QĐ-BTTNVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu, chi NSNN niên độ năm 2019 của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam

TỔNG GIÁM ĐỐC
BẢO TÀNG THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 1738/QĐ-VHL ngày 09/8/2017 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam về việc Ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam,

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước,

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tổng hợp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu công khai dự toán thu, chi NSNN niên độ năm 2019 của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam (Kèm theo biểu số 03).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký

Điều 3. Trưởng phòng Quản lý Tổng hợp và Trưởng phòng các đơn vị trực thuộc chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận.
- Như Điều 3,
- Lưu: VT, KT, HTN06.

TỔNG GIÁM ĐỐC

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
BẢO TÀNG THIÊN NHIÊN VIỆT NAM

Nguyễn Trung Minh

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NIÊN ĐỘ NĂM 2019

(Kèm theo Quyết định số 10 /QĐ-BTTNVN ngày 14 tháng 01 năm 2020 của Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam

Đv tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện niên độ năm 2019	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện niên độ năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	6.997,56	6.953,50	99,37	97,82
	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (bao gồm cả các khoản kinh phí chi thường xuyên khác)	5.187,70	5.187,70	100,00	106,35
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	28.466,98	28.466,98	100,00	167,55
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi đảm bảo xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	600,00	600,00	100,00	100,00
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hoá thông tin**				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	7.370,00	7.370,00	100,00	115,16
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp văn hoá thông tin**				
II	**Nguồn viện trợ**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				